TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/7/2025
Về việc: "Không công nhận
quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa: **Không.**

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K (nay là tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K (nay là tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S có 02 người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Yến O, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn S. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông Nguyễn Văn S trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn S. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K (nay là tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A). Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị M có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà M trình bày là bà và ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy có cơ sở kết luận bà M và ông S đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên mối quan hệ hôn nhân của bà M và ông S không được pháp luật thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà M trình bày cuộc sống vợ chồng ông bà mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ ông S nhưng ông S vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với bà M. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà M và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì Toà án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S có 02 người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Yến O, sinh năm 1994 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị M trình bày bà và ông S không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị M trình bày bà và ông S không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 232, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

1/. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2/. Về con chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn S có 02 người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Yến O, sinh năm 1994 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà M nên không xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009875 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó bà M không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Hòn Đất;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Sang